



Original Article

Responsible Business Practices and Legal and Practical Issues in Corporate Governance and Investment in Vietnam

Phan Thi Thanh Thuy*

VNU University of Law, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Received 5 January 2024

Revised 16 March 2024; Accepted 25 June 2024

Abstract: Responsible business practices (RBP) is a national and global strategy, but it is not a completely new concept in the world and in Vietnam. It is the proactive development and practice of corporate social responsibility (CSR) nationally and internationally. Accordingly, RBP is to promote enterprises to comply with the law, respect people's interests, and protect the environment and social benefits. In Vietnam, except for the domestic enterprises in the partner network of large foreign corporations, the awareness and practice of CSR have not become a popular movement among small and medium-sized enterprises. Therefore, in parallel with building a comprehensive and mandatory business legal framework, education to raise the awareness and practice of CSR for domestic enterprises would create a suitable environment for ensuring RBP in the Vietnam.

Keywords: Responsible business practice (RBP), corporate social responsibility (CSR), business legal framework, corporate governance, selective investment.

* Corresponding author.

E-mail address: thuyptt@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4651>

Thực hành kinh doanh có trách nhiệm và những vấn đề pháp lý và thực tiễn trong quản trị doanh nghiệp và đầu tư ở Việt Nam

Phan Thị Thanh Thủy*

Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 5 tháng 01 năm 2024

Chỉnh sửa ngày 16 tháng 3 năm 2024; Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 6 năm 2024

Tóm tắt: Thực hành kinh doanh có trách nhiệm (RBP) là một chiến lược lớn có tầm vóc quốc gia và toàn cầu, tuy nhiên không phải là khái niệm hoàn toàn mới trên thế giới và ở Việt Nam. Nó là sự phát triển và thực hành một cách chủ động trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR) ở phương diện quốc gia và quốc tế. Theo đó, RBP là thúc đẩy doanh nghiệp phải tuân thủ pháp luật, tôn trọng lợi ích người dân, bảo vệ môi trường và lợi ích xã hội. Ngoại trừ các doanh nghiệp Việt Nam nằm trong mạng lưới đối tác của các tập đoàn lớn của nước ngoài, nhận thức và thực hành CSR chưa trở thành một phong trào phổ biến trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước. Bởi vậy song song với việc xây dựng một khung khổ pháp luật kinh doanh toàn diện để bắt buộc doanh nghiệp tuân thủ các nghĩa vụ, cần nâng cao nhận thức về CSR cho doanh nghiệp nhằm tạo ra môi trường phù hợp cho RBP.

Từ khóa: Kinh doanh có trách nhiệm, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, pháp luật kinh doanh, quản trị doanh nghiệp, đầu tư có chọn lọc.

1. Đề dẫn

RBP là một chiến lược lớn của các quốc gia và tầm vóc toàn cầu, tuy nhiên không phải là một khái niệm hoàn toàn mới trên thế giới và ngay cả ở Việt Nam. RBP là sự phát triển và thực hành một cách chủ động khái niệm “Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp - CSR” vốn được biết đến như một phong trào kêu gọi doanh nghiệp hành xử có trách nhiệm với xã hội có nguồn gốc sâu xa từ cuối thế kỷ thứ 19 ở Hoa Kỳ và ở châu Âu. Trải qua nhiều thăng trầm, sau Đại chiến Thế giới lần thứ 2, CSR được vực dậy, tiếp tục phát triển mạnh mẽ và trở thành một nội dung không thể thiếu được trong quản trị công ty hiện đại

theo những nguyên tắc của Tổ chức Hợp tác kinh tế và Phát triển (OECD) [1].

Ở Việt Nam, khái niệm CSR lần đầu tiên được giới thiệu vào giữa những năm 1990 trong những bộ quy tắc về tiêu chuẩn lao động cho các nhà cung ứng trong nước của các tập đoàn đa quốc gia trong lĩnh vực dệt may [2]. Kể từ đó CSR đã liên tục được phát triển trong các bộ quy tắc ứng xử của các tập đoàn đa quốc gia, các công ty nước ngoài ở Việt Nam. Điều này dẫn đến một thực tế đáng chú ý là có một số lượng doanh nghiệp nội địa đã thực hành rất nghiêm túc SCR với những tiêu chuẩn cao hơn nhiều so với các quy định của pháp luật Việt Nam để đáp ứng các yêu cầu khắt khe của đối tác nước ngoài [3].

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: thuyptt@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4651>

Mặc dù khái niệm CSR đã du nhập và được thực hiện ở Việt Nam ngay từ giai đoạn đầu của nền kinh tế thị trường nhưng hầu như chỉ tập trung trong nhóm các tập đoàn nước ngoài và các đối tác Việt Nam, chưa lan tỏa rộng rãi đến mọi tầng lớp doanh nghiệp Việt Nam [4].

Trước yêu cầu cấp thiết về bảo vệ quyền con người trong kinh doanh, bảo vệ môi trường sống và quyền lợi chính đáng của các cộng đồng dân cư, từ năm 2010 Chương trình Phát triển của Liên Hợp quốc (UNDP) đã và đang yêu cầu các quốc gia cam kết sử dụng công cụ chính sách luật pháp để xây dựng kế hoạch hành động quốc gia (*National Action Plan - NAP*) và thúc đẩy các doanh nghiệp và các bên có liên quan chủ động thực hành hành kinh doanh có trách nhiệm với trọng tâm là thực thi CSR trong quản trị kinh doanh.

Năm 2023, Quyết định số 843/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chương trình hành động quốc gia hoàn thiện chính sách và pháp luật nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam giai đoạn 2023 - 2027. Mục tiêu của chương trình là nâng cao nhận thức, năng lực; rà soát và hoàn thiện chính sách, pháp luật và nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành chính sách, pháp luật (trong đó có nâng cao hiệu quả và thúc đẩy việc tiếp cận các biện pháp khắc phục) nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam để phát huy các mặt tích cực và giảm thiểu các mặt tiêu cực của các hoạt động phát triển kinh tế, kinh doanh đối với xã hội, môi trường (tập trung vào các lĩnh vực doanh nghiệp, đầu tư, lao động, môi trường; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, người tiêu dùng và các nhóm dễ bị tổn thương), qua đó góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế tuần hoàn, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam. Công việc phức tạp, ở tầm vóc quốc gia này không chỉ đòi hỏi kiến thức pháp luật sâu sắc của các chuyên gia trong từng lĩnh vực kinh doanh mà còn yêu cầu có sự hiểu biết sâu sắc về bối cảnh xã hội, thực trạng nhận thức về CSR của doanh nghiệp và sự phối kết hợp đồng bộ trong xây dựng chính sách, pháp luật của các cơ quan hữu quan để đạt được mục tiêu nâng cao nhận thức của doanh nghiệp và xã hội về CSR và RBP,

tuan thủ pháp luật để bảo đảm hài hòa các mục tiêu vì con người, môi trường và xã hội trong hoạt động kinh doanh.

Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả muốn tập trung vào làm rõ mối quan hệ giữa CSR và RBP, các khía cạnh pháp lý của RBP trong các quy định về pháp luật quản trị doanh nghiệp và pháp luật về đầu tư - hai lĩnh vực đầu tiên và cốt lõi trong khung khổ pháp luật về RBP; từ đó đưa ra các gợi ý góp phần nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về CSR và RBP, tăng cường sự tuân thủ pháp luật và góp phần xây dựng một khung khổ pháp lý hiệu quả, thúc đẩy RBP trong quản trị doanh nghiệp và đầu tư.

2. Khái quát về mối quan hệ giữa trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và thực hành kinh doanh có trách nhiệm

2.1. Khái niệm và đặc điểm của trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

Mặc dù phong trào kêu gọi các doanh nhân làm từ thiện, hiến tặng tài sản cho cộng đồng đã xuất hiện từ thế kỷ thứ 19 ở Hoa Kỳ và châu Âu, song phải sau Thế chiến II, nhu cầu tái thiết nền kinh tế châu Âu và Hoa Kỳ trở nên thúc bách, vấn đề trách nhiệm của các công ty trong việc đóng góp để gia tăng phúc lợi xã hội đã được thảo luận ngày càng rộng rãi trong cộng đồng doanh nhân và trong giới nghiên cứu. Năm 1953, khi nhà kinh tế học người Mỹ Howard Bowen xuất bản cuốn sách có tên “Trách nhiệm xã hội của nhà kinh doanh” (*Social Responsibilities of the Businessman*) thì thuật ngữ CSR mới chính thức được công nhận và lan tỏa mạnh mẽ trên nhiều quốc gia. Theo đó, Bowen nhấn mạnh rằng doanh nghiệp không chỉ hoạt động vì lợi ích của các cổ đông, mà phải vì lợi ích của những người liên quan khác như người lao động, đối tác và cộng đồng xã hội. CSR thể hiện trong cách ứng xử mang tính đạo đức đối với các bên liên quan và phải được nhận biết và thực hành trên nền tảng của môi trường pháp lý [5]. Có thể nói, lần đầu tiên nội hàm của CSR được Bowen xác định rõ nét và phân tích một cách thấu đáo trên cả phương diện lý thuyết và pháp luật.

Những năm 1990, có hai nghiên cứu nổi bật về CSR đã tạo ra hiệu ứng mạnh mẽ trong đánh giá về hiệu quả đóng góp cho xã hội của doanh nghiệp đó là Đánh giá lại việc thực thi trách nhiệm xã hội (Corporate Social Performance Revisited) của J. Wood Donna [6] và Kim tự tháp của trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp: Hướng tới quản lý đạo đức của các bên liên quan trong tổ chức (The Pyramid of Corporate Social Responsibility: Toward the Moral Management of Organizational Stakeholders) của B. Carroll Archie [7]. Hai công trình nghiên cứu này đã cung cấp các tiêu chí khoa học để đánh giá về ảnh hưởng và hiệu quả đóng góp của các dự án CSR đã và đang thực hiện đối với xã hội và tác động tích cực trở lại đối với hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Sang đến đầu thế kỷ 21, CSR đã được coi là một phần tất yếu trong quản trị doanh nghiệp.

Có nhiều cách hiểu về SCR, trong đó có một quan niệm được chấp nhận rộng rãi rằng doanh nghiệp là một “tập hợp con” của xã hội trên đường tồn tại và hoạt động của chính nó, vì vậy doanh nghiệp phải có phân trách nhiệm trong việc giúp đỡ sự thịnh vượng chung của xã hội [8]. Như vậy, về bản chất CSR là một phong trào tự nguyện. Doanh nghiệp tự ràng buộc mình với các tiêu chuẩn của pháp luật và đạo đức kinh doanh và tự nhận thức về vai trò và trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội và cộng đồng. Carroll đã mô hình hóa cấu trúc của CSR theo mô hình kim tự tháp dưới đây:



Nguồn: Carroll's corporate social responsibility pyramid [7].

Theo mô hình này, doanh nghiệp có bốn mức độ trách nhiệm cơ bản xếp theo nhu cầu

của chính doanh nghiệp và xã hội theo thứ tự từ dưới lên:

- *Mức độ thứ nhất*: Trách nhiệm kinh tế - là nền tảng của mọi doanh nghiệp. Doanh nghiệp phải đem lại lợi nhuận cho chính mình để tồn tại và phát triển thì mới có thể giúp đỡ xã hội.

- *Mức độ thứ hai*: Trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp; CSR đòi hỏi doanh nghiệp phải tuân thủ pháp luật, thực hiện những hành vi không bị cấm trong hoạt động kinh doanh.

- *Mức độ thứ ba*: Trách nhiệm đạo đức trong kinh doanh đòi hỏi doanh nghiệp nhận thức rõ và thực hiện những hành vi đúng đắn, sự công bằng và tránh gây thiệt hại cho xã hội. Những vấn đề liên quan đến đạo đức kinh doanh phải được doanh nghiệp quan tâm hàng đầu như đảm bảo điều kiện làm việc, chăm lo phúc lợi cho người lao động; tận tụy với khách hàng, đối tác; đảm bảo chất lượng sản phẩm và dịch vụ, bảo vệ môi trường, lợi ích cộng đồng và những hoạt động có liên quan khác.

- *Mức độ thứ tư*: Trách nhiệm làm từ thiện của doanh nghiệp. Để trở thành một “công dân doanh nghiệp” tốt, doanh nghiệp được khuyến khích đóng góp những khoản cho đi không hoàn lại để hỗ trợ phúc lợi cho những người có hoàn cảnh khó khăn hoặc làm gia tăng các điều kiện về giáo dục và y tế cho các cộng đồng [7]. Đây vốn là một trách nhiệm có tính khuyến khích, song lại có giá trị quảng bá hình ảnh của doanh nghiệp ra công chúng rất dễ dàng hiệu quả so với những nỗ lực thực hành đạo đức kinh doanh, tuân thủ pháp luật. Thực tế này đã khiến cho nhiều công ty thường tận dụng mảng hoạt động từ thiện để đánh bóng hình ảnh của mình trong khi vẫn chưa làm tròn ba trách nhiệm nói trên [9].

2.2. Mối quan hệ giữa trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và thực hành kinh doanh có trách nhiệm

Khái niệm RBP về bản chất là sự mở rộng, nâng cấp và thực thi CSR ở mức độ quốc gia và toàn cầu. Nếu như CSR là cam kết tự nguyện, có tính riêng biệt của từng doanh nghiệp về hoạt

động kinh doanh đem lại các giá trị bền vững cho chính doanh nghiệp và xã hội, thì RBP không chỉ đòi hỏi các doanh nghiệp tuân thủ pháp luật, thực hành đạo đức kinh doanh mà còn đòi hỏi những chính sách và quy phạm pháp luật đồng bộ trên các lĩnh vực để có thể bảo vệ người dân, môi trường và xã hội, hạn chế tối đa những tổn hại do hoạt động của doanh nghiệp gây ra. Hơn thế, RBP đòi hỏi những cá nhân người dân có lợi ích chính đáng bị ảnh hưởng từ hoạt động của doanh nghiệp (chẳng hạn sinh kế bị tổn hại, môi trường bị ô nhiễm,...) có quyền tiếp cận công lý thông qua cơ chế giải quyết khiếu nại tin cậy và hiệu quả [3].

Chính vì những đòi hỏi của RBP vượt xa việc thực thi CSR nên RBP yêu cầu các quốc gia phải có kế hoạch hành động thống nhất trên các lĩnh vực của pháp luật kinh doanh, từ quy định của pháp luật đến việc đảm bảo thực thi. RBP cũng yêu cầu các doanh nghiệp chủ động thực hiện CSR và đưa ra những kế hoạch hành động cụ thể để giải quyết hài hòa những vấn đề về lợi ích giữa doanh nghiệp, con người, xã hội và môi trường nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững ở phạm vi từng quốc gia và trên toàn cầu [10].

Theo hướng dẫn của UNDP, ở góc độ kinh tế, RBP là khi các doanh nghiệp vẫn bảo đảm mục tiêu có lợi nhuận, nhưng không mù quáng bất chấp, mà luôn đề tâm điều chỉnh hoạt động kinh doanh sao cho giảm thiểu tác động xấu đến các cá nhân khác, đến môi trường và cộng đồng [11]. Chính vì tầm quan trọng của RBP, Liên Hợp quốc đã đánh giá RBP là một trong những chiến lược có tính kết nối toàn cầu. Năm 2011, UNDP đã hỗ trợ các quốc gia thực hành kinh doanh có trách nhiệm bằng cách soạn thảo và phát hành bộ tài liệu Các Nguyên tắc hướng dẫn của Liên Hợp quốc về Kinh doanh và Quyền con người (UNGP) [12] để định hướng và bảo đảm sự thống nhất trong thực thi kinh doanh có trách nhiệm thông qua việc thúc đẩy các quốc gia xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia (NAP).

2.3. Động lực để doanh nghiệp thực hành kinh doanh có trách nhiệm

Theo các nhà nghiên cứu, RBP không chỉ đem lại sự hài hòa về lợi ích trong tam giác con

người - môi trường - xã hội và sự phát triển bền vững cho mọi quốc gia mà còn gia tăng lợi ích cho chính các doanh nghiệp ở, thể hiện ở các khía cạnh sau: i) Sự nâng cao nhận thức xã hội trong tiêu dùng đã hình thành nên chủ nghĩa tiêu dùng có đạo đức thể hiện qua các đòi hỏi khắt khe về cách thức sản xuất sản phẩm và phân phối dịch vụ. Các doanh nghiệp, đặc biệt là các thương hiệu lớn, dễ dàng phải đối mặt với rủi ro mất thị trường nếu không tuân thủ các tiêu chuẩn về kinh doanh có trách nhiệm; ii) Dưới ảnh hưởng của các nguyên tắc và tiêu chuẩn của UNGP, các nhà đầu tư ngày càng trở nên thận trọng khi đánh giá lợi nhuận tài chính tương lai bằng cách áp dụng Khung đánh giá Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG) của dự án bằng cách phân tích nghiêm túc các yếu tố ESG của một doanh nghiệp dự định đầu tư được quy định trong pháp luật của các quốc gia cũng như trong các hiệp định đầu tư quốc tế. Việc không tuân thủ đầy đủ sẽ tác động tiêu cực đến doanh thu và lợi nhuận của chính các công ty các tập đoàn; 3) Nhiều quốc gia đã nhận được các bài học đắt giá khi dễ dãi bỏ qua các tác động tiêu cực đến xã hội và môi trường khi tiếp nhận đầu tư và sau đó đã phải mất rất nhiều thời gian và chi phí để tăng cường điều chỉnh bằng pháp luật để khắc phục. Đây chính là bài học kinh nghiệm cho các quốc gia khác [3]. Như vậy, việc tuân thủ RBP chính là vì lợi ích thiết thực của các nhà đầu tư.

3. Những yêu cầu cơ bản của thực hành kinh doanh có trách nhiệm

Theo Các nguyên tắc hướng dẫn về kinh doanh và quyền con người của Liên Hợp quốc (UNGP), thực hành kinh doanh có trách nhiệm không phải là bổn phận của riêng các doanh nghiệp, nó đòi hỏi sự phối hợp hiệu quả trong một tổng thể các chủ thể đó là Nhà nước, doanh nghiệp và người dân - chủ thể bị ảnh hưởng của kinh doanh thiếu trách nhiệm. Theo đó, UNGP đã chỉ ra 3 trụ cột cơ bản của kinh doanh có trách nhiệm, bao gồm: i) Nghĩa vụ của quốc gia trong việc bảo vệ và chống lại vi phạm quyền con

người (cụ thể là hành vi kinh doanh thiếu trách nhiệm) do doanh nghiệp gây ra thông qua các chính sách, quy định pháp luật và các biện pháp tư pháp (xét xử) thích hợp; ii) Trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc tôn trọng quyền con người; iii) Sự tiếp cận hiệu quả các biện pháp khắc phục tư pháp và phi tư pháp của các chủ thể bị ảnh hưởng do tác động tiêu cực của hoạt động kinh doanh thiếu trách nhiệm [13].

Từ đó, có thể chỉ ra bản chất kinh doanh có trách nhiệm là “lợi nhuận dựa trên nguyên tắc”, có nghĩa là các doanh nghiệp bắt buộc phải cân bằng các yếu tố lợi nhuận, con người và hành tinh (Profit, People and Planet) [14]. Trong báo cáo “Kinh doanh có trách nhiệm: Thông điệp chính từ các công cụ quốc tế” thực hiện bởi Cao Ủy Liên hiệp quốc về Nhân quyền (OHCHR), Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Liên minh châu Âu (EU) và Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), việc thực hành kinh doanh có trách nhiệm được nhận định là “trách nhiệm của tất cả mọi người” ở tất cả các quốc gia [15]. Báo cáo này đã chỉ ra rằng kinh doanh có trách nhiệm đòi hỏi cách tiếp cận quốc tế toàn diện và nền tảng pháp lý quốc tế để phối hợp thực hành kinh doanh có trách nhiệm của các quốc gia là ba văn kiện quốc tế, bao gồm: i) Tuyên bố ba bên về các nguyên tắc liên quan đến doanh nghiệp đa quốc gia và chính sách xã hội (Tuyên bố MNE) của ILO [16], ii) Chỉ dẫn cho các tập đoàn đa quốc gia về các hành vi kinh doanh có trách nhiệm của OECD [17], iii) Các nguyên tắc hướng dẫn về kinh doanh và quyền con người của Liên Hợp quốc: Thực hiện bảo vệ, tôn trọng và các biện pháp xử lý [12].

Ở bình diện quốc gia, RBPs đòi hỏi sự tham gia nghiêm túc của tất cả các bên bao gồm các doanh nghiệp, các cơ quan chính phủ có liên quan, các tổ chức xã hội và cả cộng đồng.

4. Bối cảnh triển khai thực hành kinh doanh có trách nhiệm ở Việt Nam

Như đã đề cập, ở Việt Nam, CSR chưa phải là một phong trào mạnh mẽ thu hút được sự quan

tâm của số đông doanh nghiệp và của xã hội nên hiểu biết về RBP lại càng hạn chế. Không ít doanh nghiệp hiểu đơn giản là thực hành SCR là bỏ tiền làm từ thiện mà không biết đến các cấp độ khác của SCR như tuân thủ pháp luật và đạo đức kinh doanh gắn chặt với lợi ích của doanh nghiệp trên thị trường [18]. Có thể nói rằng hiểu biết của giới doanh nghiệp Việt Nam nói chung về việc gắn các tiêu chuẩn của sản xuất kinh doanh trên thực tế với các tiêu chuẩn về hài hòa giữa kinh doanh và quyền con người UNGP còn ở mức độ thấp. Hiện nay, đầu mối lan tỏa và thực hiện RBP là Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI). Bằng nhiều nỗ lực, năm 2010, VCCI ra quyết định thành lập Hội đồng doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam (VBCSD) ra đời. Tuy nhiên, hiệp hội này chưa có tính lan tỏa cao, số lượng thành viên tham gia và các thành tựu đạt được còn rất khiêm tốn [19]. Trong khi đó, các quốc gia láng giềng ASEAN như Thái Lan, Malaysia, Singapore đã xây dựng xong kế hoạch hành động quốc gia về BRP từ năm 2019.

Ở bình diện quốc gia, dưới sự giúp đỡ của UNDP và Chính phủ Thụy Điển, năm 2020 các chuyên gia của Bộ Tư pháp Việt Nam đã thực hiện báo cáo “Đánh giá sơ bộ khung pháp lý của Việt Nam về thực hành kinh doanh có trách nhiệm” [3] để làm cơ sở xây dựng để thực thi UNGP và RBP. Sau đó, ngày 14/7/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 843/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Ban hành Chương trình hành động quốc gia hoàn thiện chính sách và pháp luật nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam giai đoạn 2023 - 2027, trong đó giao cho các bộ như Bộ Tư pháp, Bộ Lao động và Thương binh - xã hội, Bộ Công thương làm chủ trì để phối hợp với các bộ và tổ chức hữu quan hoàn thiện khung chính sách pháp luật trong các lĩnh vực điển hình liên quan đến kinh doanh và quyền con người như lĩnh vực quản trị doanh nghiệp và đầu tư, lĩnh vực lao động, lĩnh vực bảo vệ quyền của các nhóm dễ bị tổn thương, lĩnh vực bảo vệ môi trường và lĩnh vực bảo vệ người tiêu dùng [20].

5. Thực trạng khung khổ pháp luật về quản trị doanh nghiệp và đầu tư liên quan đến thực hành kinh doanh có trách nhiệm ở Việt Nam

Pháp luật về doanh nghiệp và đầu tư là hai mảng đầu tiên của pháp luật kinh doanh có sự gắn kết chặt chẽ với nội dung cốt lõi của RBP là bảo vệ quyền con người, môi trường và xã hội. Doanh nghiệp là công cụ của nhà đầu tư tiếp cận thị trường và thực hiện mục đích tài chính, ngược lại trên cơ sở các quy định của pháp luật đầu tư, nhà đầu tư sẽ cân nhắc lựa chọn hình thức pháp lý kinh doanh (doanh nghiệp) phù hợp nhất để quản lý điều hành nguồn vốn và tài sản họ bỏ vào đầu tư.

5.1. Yêu cầu về kinh doanh có trách nhiệm trong pháp luật về vận hành, quản trị doanh nghiệp

Hiện nay, mảng pháp luật điều chỉnh vận hành và quản trị doanh nghiệp đầu tư ở Việt Nam bao gồm Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017. Mặc dù các đạo luật này đều có những quy định về báo cáo định kỳ tình hình hoạt động hàng năm của doanh nghiệp nhằm thực hiện nguyên tắc công khai, minh bạch trong quản trị công ty, tuy nhiên các luật đều không có yêu cầu doanh nghiệp công khai thông tin đánh giá về sự phát triển bền vững của doanh nghiệp thông qua thực hiện CSR, cụ thể các tiêu chí của Bộ tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị (ESG).

Hiện tại, theo quy định của Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, chỉ có các công ty niêm yết và công ty đại chúng phải công bố trong báo cáo thường niên về các nội dung và kết quả tự đánh giá đối với tình trạng thực thi ESG (Phụ lục IV, Báo cáo thường niên ban hành kèm theo Thông tư). Cụ thể, các công ty này phải công bố báo cáo ESG hàng năm của mình bao gồm: phát thải khí nhà kính, quản lý nguồn nguyên liệu, tiêu thụ năng lượng, tiêu thụ nước, tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, các chính sách liên quan đến người lao động, trách nhiệm đối với cộng đồng

địa phương, báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán nhà nước. Đây là những quy định có ý nghĩa rất tích cực trong nâng cao nhận thức về CSR và thúc đẩy RBP đối với các doanh nghiệp có ảnh hưởng thị trường và có quy mô lớn dần. Nó còn có ý nghĩa dẫn dắt cộng đồng doanh nghiệp trong các hoạt động RBP. Tuy nhiên, đối với công ty cổ phần chưa niêm yết và các loại hình doanh nghiệp khác như công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, pháp luật không có quy định bắt buộc về công bố đánh giá ESG.

Việc thiếu hụt các quy định bắt buộc về báo cáo thực thi Bộ tiêu chuẩn ESG trong hoạt động quản trị công ty của một số lượng rất lớn doanh nghiệp ở các quy mô khác nhau trên thị trường đang làm mất đi một thước đo hiệu quả về kinh doanh bền vững của các doanh nghiệp. Một mặt, các cơ quan quản lý nhà nước khó đánh giá sự tuân thủ của doanh nghiệp đối với RBP; mặt khác, các nhà đầu tư cũng thiếu thông tin để ra những quyết định liên quan đến đầu tư lâu dài vào các doanh nghiệp này.

Rõ ràng rằng, trong tương lai gần, để đạt được sự đồng bộ và hiệu quả trong RBP, các công ty không niêm yết, các doanh nghiệp nhỏ và vừa khác cũng cần phải thực hiện báo cáo tự đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn ESG như một nghĩa vụ bắt buộc. Tuy nhiên, có một thực tế không thể bỏ qua là để thực hiện các tiêu chuẩn ESG, các công ty cần có quy mô và nguồn lực đủ lớn để thực hành RBP và chi phí cho việc đánh giá ESG. Thông thường, theo tiêu chuẩn Việt Nam, phải là các công ty đại chúng mới thực hiện được yêu cầu này. Trên thực tế, những doanh nghiệp lớn và những doanh nghiệp nằm trong mạng lưới của các tập đoàn đa quốc gia ở Việt Nam sẽ có nhiều thuận lợi hơn so với các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong thực hành các tiêu chuẩn của ESG. Trong khi đó, các doanh nghiệp nhỏ và vừa, đa phần không có đủ nguồn lực để theo đuổi toàn bộ các tiêu chuẩn ESG. Thực tế này đã chỉ ra rằng cần có sự điều chỉnh về mặt pháp lý để việc tuân thủ RBP thông qua bộ tiêu chuẩn ESG trở nên thiết thực và phù hợp với quy mô và nguồn lực hạn chế của các doanh nghiệp

nhỏ và vừa. Chẳng hạn ở cấp độ cơ bản một doanh nghiệp sản xuất có thể lựa chọn bao bì sinh thái tự hủy cho sản phẩm để hạn chế tổn hại môi trường, hoặc một doanh nghiệp chế biến thực phẩm cần chú trọng vào vệ sinh an toàn thực phẩm và xử lý chất thải. Ở cấp độ cao hơn doanh nghiệp chủ động ứng dụng chu trình thiết kế, sản xuất, đưa ra thị trường những sản phẩm có khả năng tái chế, tái sử dụng, thân thiện với môi trường... [21].

Rõ ràng rằng RBP là điều cần thiết sống còn cho sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp và của cả nền kinh tế quốc gia, song không nên máy móc áp đặt những tiêu chuẩn ESG quá cao lên doanh nghiệp. Các cơ quan quản lý nhà nước cần phải có sự điều chỉnh, linh hoạt, đưa ra những quy định có tính khả thi các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam có thể từng bước tiếp cận và thực hiện. Cụ thể, các cơ quan chính phủ nên phối hợp với VCCI xây dựng nhiều bộ tiêu chuẩn ESG ở các cấp độ khác nhau để các doanh nghiệp chủ động lựa chọn bộ tiêu chuẩn phù hợp nhất đối với ngành nghề, lĩnh vực, sản phẩm kinh doanh và chi phí để thực thi.

5.2. Yêu cầu về kinh doanh có trách nhiệm trong pháp luật về đầu tư

Luật Đầu tư 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành là khung khổ pháp lý quan trọng nhất để nhà đầu tư tham khảo khi thực hiện dự án đầu tư. Đánh giá về thực trạng đầu tư nước ngoài ở Việt Nam, Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/08/2019 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 đã nhận định rằng hoạt động đầu tư kinh doanh của các doanh nghiệp còn có những vấn đề cần khắc phục như gây ô nhiễm môi trường, không bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm; gian lận thương mại, không bảo đảm lợi ích của người lao động. Một số doanh nghiệp, dự án có vốn FDI sử dụng lãng phí tài nguyên, đất đai, vi phạm chính sách, pháp luật về lao động, tiền lương, thuế, bảo hiểm xã hội, môi trường,... Những vấn đề nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân,

nhưng chủ yếu xuất phát từ nhận thức chưa đầy đủ về phát triển bền vững của các cấp, các ngành và của xã hội do đó thu hút đầu tư nước ngoài còn thiếu chọn lọc. Như vậy, đầu tư có chọn lọc được coi là vấn đề trọng tâm trong kinh doanh có trách nhiệm được xác định bao gồm các nội dung sau:

i) Đầu tư gắn với sử dụng đất hiệu quả và hài hoà lợi ích cộng đồng

Mặc dù Nghị định 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu thầu về lựa chọn nhà đầu tư đã đưa ra các hướng dẫn cho các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp đối với việc tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trong các dự án có sử dụng đất. Nghị định này đã đưa ra phương pháp lợi ích xã hội trong phương pháp đánh giá về tài chính thương mại trong hồ sơ thầu của dự án. Tuy nhiên, những quy định này mới mang tính chất định hướng, khó thực hiện; cần phải có những hướng dẫn cụ thể hơn nữa để cơ quan quản lý nhà nước và nhà đầu tư cần có những tiêu chí đánh giá toàn diện và cụ thể để có thể nâng cao được chất lượng của hồ sơ thầu, trách nhiệm của nhà đầu tư đối với việc thực hiện dự án và làm căn cứ pháp lý cho áp dụng chế tài đối với những dự án không đảm bảo lợi ích xã hội.

ii) Đầu tư gắn với bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

Mặc dù Luật Đầu tư, Luật Bảo vệ môi trường đều có quy định về quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có nguy cơ tác động tới môi trường, nhưng thực tế vẫn cho thấy những khó khăn của việc cân đối giữa các mục tiêu môi trường với các mục tiêu tăng trưởng sâu rộng trong quá trình phát triển kinh tế [22]. Hoạt động đầu tư vào các lĩnh vực của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ở Việt Nam là rất đa dạng và có nhiều dự án đầu tư vào các lĩnh vực có khả năng gây ô nhiễm cao, như sản xuất hoá chất, phân bón, luyện kim, may mặc, dệt nhuộm,... cho dù các cơ quan nhà nước đã có một số biện pháp để hạn chế các dự án đầu tư gây tác động tiêu cực tới môi trường thông qua việc xây dựng các quy hoạch ngành, nghề hay thông qua các chính sách ưu đãi về thuế cho các hoạt động đầu tư ít tác

động môi trường hoặc bảo vệ môi trường, nhưng các hoạt động đầu tư vào các ngành có khả năng gây tác động môi trường vẫn còn rất cao. Với nhu cầu của phát triển hiện tại, một số lĩnh vực, địa phương vẫn chấp nhận các các dự án đầu tư có rủi ro về môi trường vì chi phí đầu tư thấp và đem lại sự gia tăng GDP bệ nội cho địa phương. Trong khi đó, các dự án đầu tư có đóng góp tích cực cho môi trường còn rất khiêm tốn [23].

Luật Đầu tư có quy định về trách nhiệm cấp phép đầu tư được phân cấp tùy thuộc vào tính chất và mức độ ảnh hưởng của dự án đến phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh thẩm quyền của Quốc hội, Chính phủ, UBND cấp tỉnh đóng vai trò quan trọng trong chất lượng chọn lọc đầu tư ở địa phương. Tuy nhiên, việc trao quyền này chưa phát huy tác dụng chọn lọc đầu tư, giảm ô nhiễm môi trường trên thực tế ở các tỉnh thành. Để đạt được hiệu quả liên ngành trong phối hợp lựa chọn dự án đầu tư và bảo vệ môi trường, pháp luật về đầu tư và môi trường hiện nay đã quy định lồng ghép các yêu cầu về môi trường đối với một đề xuất dự án đầu tư trước khi được cấp phép và đi vào hoạt động. Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định việc “thực hiện sàng lọc dự án đầu tư theo tiêu chí về môi trường; áp dụng công cụ quản lý môi trường phù hợp theo từng giai đoạn của chiến lược, quy hoạch, chương trình và dự án đầu tư” (Điều 5.10). Tuy nhiên, chỉ có các quy định của pháp luật mang tính nguyên tắc là chưa đủ căn cứ để áp dụng. Các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ở trung ương và địa phương cần xây dựng và ban hành các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, danh mục ngành nghề cụ thể thu hút đầu tư, gắn với những tính toán về khả năng ô nhiễm của lĩnh vực, dự án đầu tư có thể mang lại để có thể hạn chế thấp nhất các tác động tiêu cực tới môi trường từ hoạt động đầu tư

iii) Đầu tư với tạo việc làm và chất lượng việc làm

Để đảm bảo sự tăng trưởng thực chất và bền vững cho môi trường kinh tế - xã hội của địa phương, RBP đặt ra yêu cầu rằng các dự án đầu tư, đặc biệt các dự án có FDI, phải tạo ra được một số lượng nhất định công ăn việc làm phù hợp

và có chất lượng lao động địa phương. Để tránh tình trạng một số doanh nghiệp FDI cố tình tuyển dụng lao động nước ngoài có kỹ năng thấp làm việc ở Việt Nam vì nhiều mục đích khác nhau [24] Chính phủ ban hành tại Nghị định 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam, chính thức áp dụng từ ngày 01/01/2024 trong đó nội dung chính là chỉ tuyển dụng lao động nước ngoài vào các vị trí lao động nếu không tuyển dụng được lao động Việt Nam. Cho dù tinh thần bảo vệ quyền có việc làm của người lao động Việt Nam trong nghị định này là rất quyết liệt, song không thể phủ nhận một thực tế là nếu không có chiến lược của Chính phủ và sự hỗ trợ đào tạo kiến thức và kỹ năng một cách bài bản thì đa phần lao động Việt Nam chỉ có những vị trí việc làm kỹ năng thấp, dễ bị loại bỏ hoặc thay thế bởi máy móc khi có sự thay đổi về chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy giải pháp căn cơ nhất để bảo đảm quyền có việc làm bền vững và chất lượng cho người lao động Việt Nam trong các doanh nghiệp FDI là các địa phương có dự án FDI phối hợp với doanh nghiệp để đào tạo và tuyển dụng lao động địa phương dài hạn với những đảm bảo về an sinh xã hội.

6. Kết luận

Kinh doanh có trách nhiệm là xu hướng tất yếu của các hoạt động kinh doanh trong bối cảnh nhiều quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam đang phải đối mặt với hậu quả của phát triển không bền vững như tàn phá, gây ô nhiễm môi trường, phát triển nóng làm gia tăng các vấn đề về kinh tế xã hội như thất nghiệp, bất bình đẳng, không giải quyết được các vấn đề an sinh xã hội,... Trong bối cảnh này RBP không chỉ dựa vào sự tự giác của doanh nghiệp mà phải được coi là nghĩa vụ của doanh nghiệp. Thêm vào đó, để RBP trở thành hành động trên thực tế thì các

doanh nghiệp ở Việt Nam phải được giáo dục nhận thức về thực hành CSR, nghĩa vụ tuân thủ pháp luật và các lợi ích mà CSR mang lại cho chính doanh nghiệp, cộng đồng và quốc gia. Theo đó, các hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa có vai trò rất lớn trong tuyên truyền và nâng cao nhận thức cho các cộng đồng doanh nghiệp về CSR bằng những kế hoạch cụ thể trong kinh doanh. Bên cạnh đó, các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cũng cần nhanh chóng ban hành các văn bản pháp quy quy định các bộ tiêu chuẩn ESG cho các ngành nghề ở các mức độ khác nhau cho để áp dụng phù hợp cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở các quy mô và địa bàn khác nhau. Tương tự, để thực hành có hiệu quả kinh doanh có trách nhiệm trong đầu tư có chọn lọc, trước hết các nhà hoạch định chính sách, cơ quan quản lý nhà nước cần mở các lớp tập huấn về CSR và RBP cho các cơ quan xúc tiến đầu tư ở các địa phương để họ nắm bắt được yêu cầu của đầu tư có chọn lọc và các lĩnh vực khuyến khích đầu tư phù hợp với thực trạng kinh tế xã hội địa phương. Mặt khác, các văn bản pháp quy có liên quan đến đầu tư có chọn lọc cần phải có những quy định có tính hướng dẫn cụ thể đối với những chính sách lớn như sử dụng đất đai hiệu quả, bảo vệ môi trường và tạo công ăn việc làm ổn định có giá trị cho người lao động. Làm được như vậy thì hai lĩnh vực đầu tiên của pháp luật kinh doanh là quản trị doanh nghiệp và đầu tư chọn lọc sẽ tạo ra một nền tảng ban đầu vững chắc làm tiền đề cho RBP ở các lĩnh vực tiếp theo như bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ người tiêu dùng, khắc phục các tổn hại doanh nghiệp gây ra cho cá nhân, cộng đồng và môi trường. Tóm lại, để thực hành RBP ở Việt Nam, việc nâng cao nhận thức về CSR cho doanh nghiệp, xã hội và thiết kế, thực thi khung khổ chính sách pháp luật đồng bộ, toàn diện luôn phải song hành cùng nhau.

Tài liệu tham khảo

- [1] Các nguyên tắc quản trị công ty của OECD: <https://www.oecd.org/daf/ca/corporategovernanceprinciples/45034702.pdf> (accessed on: January 25th, 2024).
- [2] Nguyen et al, International Journal of Corporate Social Responsibility: <https://doi.org/10.1186/s40991-018-0032-5>, (accessed on: January 25th, 2024).
- [3] Đánh giá sơ bộ khung pháp lý của Việt Nam về thực hành kinh doanh có trách nhiệm năm 2020, https://www.undp.org/sites/g/files/zskgke326/files/migration/vn/Prelim-Assess_Resp-Bus-Practice-VN_2020_Tieng-Viet.pdf, (accessed on: January 25th, 2024).
- [4] P. T. T. Hiền, Nâng cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp nhằm thúc đẩy phát triển bền vững <https://tapchiconsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/827496/nang-cao-trach-nhiem-xa-hoi-cua-doanh-nghiep-nham-thuc-day-phat-trien-ben-vung.aspx> (accessed on: January 25th, 2024).
- [5] R. H. Bowen, Social Responsibilities of the Businessman, University of Iowa Press, 1953, pp. 84-134.
- [6] D. J. Wood, Corporate Social Performance Revisited, Academy of Management Review, 1991, pp. 691-718.
- [7] B. C. Archie, The Pyramid of Corporate Social Responsibility: Toward the Moral Management of Organizational Stakeholders, Business Horizons, Issue 34, No. 4, 1991, pp. 39-48.
- [8] M. Goel, P. E. Ramanathan, Business Ethics and Corporate Social Responsibility - Is there a Dividing Line? Finance, Vol. 11, 2014, pp. 49-59.
- [9] Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương, Doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam, khái niệm, bối cảnh và chính sách, 2012, tr. 16.
- [10] Responsible Business Key Messages from International Instruments: <https://mneguidelines.oecd.org/Brochure-responsible-business-key-messages-from-international-instruments.pdf>, (accessed on: January 25th, 2024).
- [11] Bộ Quy tắc hướng dẫn Kinh doanh có trách nhiệm vì người tiêu dùng trong thương mại điện tử (dành cho người bán hàng), <https://www.undp.org/vi/vietnam/publications/bo-quy-tac-huong-dan-kinh-doanh-co-trach-nhiem-vi-nguoi-tieu-dung-trong-thuong-mai-dien-tu-danh-cho-nguoi-ban-hang> (accessed on: July 18th, 2023).
- [12] https://www.undp.org/sites/g/files/zskgke326/files/migration/vn/UNGPs_Nguyen-tac-huong-dan-Kinh-doanh-va-Quy-en-Con-nguoi_VIE_2021-01-12.pdf, (accessed on: July 18th, 2023).
- [13] Nguyên tắc hướng dẫn kinh doanh và quyền con người: https://www.undp.org/sites/g/files/zskgke326/files/migration/vn/UNGPs_Nguyen-tac-huong-dan-

- Kinh-doanh-va-Quyen-Con-nguoi_VIE_2021-01-12.pdf (accessed on: October 20th, 2023).
- [14] <https://vibonline.com.vn/wp-content/uploads/2023/02/01-To-trinh-TTgCP-ve-QD-phe-duyet-De-an-KDCTN.pdf> (accessed on: December 20th, 2023).
- [15] <https://mneguidelines.oecd.org/Brochure-responsible-business-key-messages-from-international-instruments.pdf>. (accessed on: October 20th, 2023).
- [16] Tripartite Declaration of Principles Concerning Multinational Enterprises and Social Policy: <https://www.ilo.org/empent/areas/mne-declaration/lang--en/index.htm>, (accessed on: October 20th, 2023).
- [17] Guidelines for Multinational Enterprises on Responsible Business Conduct: <https://mneguidelines.oecd.org/mneguidelines/>. (accessed on October 20th, 2023).
- [18] H. Hà, Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế 2019: <https://tapchitaichinh.vn/trach-nhiem-xa-hoi-cua-doanh-nghiep-viet-nam-trong-boi-can-hoi-nhap-quoc-te.html> (accessed on: October 20th, 2023).
- [19] P. Nam, VCCI tiên phong thúc đẩy phát triển bền vững, <https://diendandoanhnghiep.vn/vcci-tien-phong-thuc-day-phat-trien-ben-vung-242939.html> (accessed on: October 20th, 2023).
- [20] Quyết định số 843/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: <https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2023/7/843-ttg.signed.pdf> (accessed on: March 27th, 2024).
- [21] P. T. Thùy, ESG với phát triển bền vững của doanh nghiệp Việt Nam: <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/esg-voi-phat-trien-ben-vung-cua-doanh-nghiep-viet-nam-99782.htm> (accessed on: October 25th, 2023).
- [22] World Bank, Chiến lược và định hướng chiến lược thu hút FDI thế hệ mới, giai đoạn 2018 - 2030, 2018, tr. 20.
- [23] H. T. D. Hương, Tăng trưởng kinh tế với bài học môi trường, <https://consosukien.vn/tang-truong-kinh-te-voi-bai-hoc-moi-truong.htm> (accessed on: October 15th, 2021).
- [24] T. Diễm, Yêu cầu 73 lao động Trung Quốc làm việc "chui" tuân thủ pháp luật Việt Nam: <https://dantri.com.vn/lao-dong-viec-lam/yeu-cau-73-lao-dong-trung-quoc-lam-viec-chui-tuan-thu-phap-luat-viet-nam-202105> (accessed on: February 26th, 2024).